

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG 3
BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1492 /QĐ-UBND ngày 14/9 /2023 của UBND tỉnh*)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	17				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3,5				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm	1				
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định: 1</i>					
	<i>Ban hành không đúng thời gian quy định: 0</i>					
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo yêu cầu của UBND huyện	1				
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 1</i>					
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 0</i>					
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1,5				
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ b/a < 0.8 thì điểm đánh giá là 0</i>					
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC	3				
	<i>Báo cáo đầy đủ theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm: 2 (Mỗi báo cáo không đảm bảo về nội dung, thời gian: Trừ 0.5 điểm)</i>					
	<i>Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn báo cáo chuyên đề cải cách hành chính theo quy định: 1. (Mỗi báo cáo không đảm bảo về nội dung, thời gian: Trừ 0.25 điểm)</i>					
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
	<i>Thực hiện tuyên truyền CCHC tại các cuộc họp, trên trang điện tử của địa phương: 1</i>					
	<i>Thực hiện tuyên truyền CCHC thông qua các kênh, như: Báo chí hoặc Phát thanh truyền hình hoặc hội nghị, hội thảo về về cải cách hành chính: 1</i>					
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	5,5				
1.4.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1				
	<i>Triển khai thực hiện: 1</i>					
	<i>Không triển khai thực hiện: 0</i>					
1.4.2	Có giải pháp, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	2				
	<i>Có giải pháp, sáng kiến được UBND huyện công nhận: 1</i>					
	<i>Có giải pháp, sáng kiến cấp cơ sở được UBND xã công nhận: 1</i>					
	<i>Không có giải pháp, sáng kiến mới: 0</i>					
1.4.3	Tham gia các Hội thi về cải cách hành chính do UBND huyện tổ chức (nếu có)	1				
	<i>Có tham gia đầy đủ các Hội thi về cải cách hành chính do UBND cấp huyện tổ chức: 1</i>					
	<i>Không tham gia đầy đủ các Hội thi về cải cách hành chính do UBND cấp huyện tổ chức: 0</i>					
1.4.4	Triển khai Chính quyền thân thiện phục vụ Nhân dân theo Công văn số 2169/UBND-NC ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh	1,5				
	<i>Có triển khai thực hiện mô hình chính quyền thân thiện phục vụ nhân dân: 0.75</i>					
	<i>Được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn Chính quyền thân thiện 0.75</i>					
1.5	Việc thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính, nội quy, quy chế làm việc tại xã	1				
	<i>Thực hiện theo quy định: 1</i>					
	<i>Chưa thực hiện theo quy định: 0</i>					
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao trong năm	2				
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 2</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % hoàn thành x 1.5)/100%					
	Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ được giao: 0					
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	7				
2.1	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL thuộc phạm vi quản lý của cấp xã	1				
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 1					
	Từ 80% - dưới 100% số văn bản được xây dựng đúng quy trình: 0.5					
	Dưới 80% văn bản ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0					
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	3				
2.2.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	2				
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1					
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 1					
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1				
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1					
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0					
2.3	Rà soát VBQPPL	3				
2.3.1	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1,5				
	Tính theo công thức: (b/a) * điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.					
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
	Tính theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số văn bản cần phải xử lý. <i>b</i> là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	17,5				
3.1	Thực hiện rà soát TTHC	1				
3.1.1	Tổ chức rà soát TTHC theo quy định	0,5				
	<i>Thực hiện đúng quy định, hướng dẫn: 0.5</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định, hướng dẫn: 0</i>					
3.1.2	Kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	0,5				
	<i>100% các vấn đề được kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Dưới 100% các vấn đề được kiến nghị xử lý: 0</i>					
3.2	Công khai thủ tục hành chính	3,5				
3.2.1	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả	2,5				
	<i>Quyết định công bố bộ TTHC: 0.5</i>					
	<i>Danh mục bộ TTHC: 0.5</i>					
	<i>Nội dung, mẫu đơn, tờ khai (nếu có) của từng TTHC: 0.5</i>					
	<i>Hộp thư góp ý: 0.5</i>					
	<i>Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công khai TTHC: 0.5</i>					
3.2.2	Công khai TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của địa phương	1				
	<i>Đúng quy định: 1</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	6				
3.3.1	Thực hiện đầy đủ các mẫu phiếu theo quy định khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính	1				
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1</i>					
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>					
3.3.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1				
	<i>100% TTHC thuộc thẩm quyền: 1</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
	<i>Dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền: 0</i>					
3.3.3	Kết quả giải quyết TTHC của đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn quản lý (Không tính số lượng hồ sơ sao y, chứng thực)	3				
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn Trường hợp tỷ lệ b/a < 0.95 thì điểm đánh giá là 0</i>					
3.3.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để hồ sơ TTHC quá hạn giải quyết (nếu có)	1				
	<i>100% hồ sơ TTHC trong năm khi quá hạn giải quyết đều có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức: 1</i>					
	<i>Dưới 100% hồ sơ TTHC trong năm khi quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức: 0</i>					
3.4	Điều kiện đảm bảo cho hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4,25				
3.4.1	Ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1				
	<i>Đảm bảo theo quy định: 1</i>					
	<i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>					
3.4.2	Diện tích của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5				
	<i>Đảm bảo theo quy định: 0.5</i>					
	<i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>					
3.4.3	Trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5				
	<i>Đảm bảo theo quy định: 0.5</i>					
	<i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>					
3.4.4	Bố trí lãnh đạo UBND cấp xã phụ trách bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5				
	<i>Đảm bảo theo quy định: 0.5</i>					
	<i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>					
3.4.5	Bố trí công chức thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	0,75				
	<i>Đảm bảo theo quy định: 0.75</i>					
	<i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
3.4.6	Thực hiện chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức bộ phận tiếp nhận theo quy định	1				
	<i>Đảm bảo theo quy định: 1</i>					
	<i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>					
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	2,75				
3.5.1	Thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1				
	<i>Có số điện thoại, địa chỉ Email, tên cơ quan, địa chỉ của cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị: 1</i>					
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>					
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a) * điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số kiến nghị phải trả lời. b là số kiến nghị đã được trả lời. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</i>					
3.5.3	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	0,75				
	<i>100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0.75</i>					
	<i>Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0</i>					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6				
4.1	Thực hiện quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3				
4.1.1	Tuân thủ và thực hiện các quy định về bố trí số lượng, chức danh cán bộ cấp xã	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định, hướng dẫn: 1</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định, hướng dẫn: 0</i>					
4.1.2	Tuân thủ và thực hiện các quy định về bố trí số lượng, chức danh công chức cấp xã	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định, hướng dẫn: 1</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
	<i>Thực hiện không đúng quy định, hướng dẫn: 0</i>					
4.1.3	Tuân thủ và thực hiện các quy định về bố trí số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định, hướng dẫn: 1</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định, hướng dẫn: 0</i>					
4.2	Quy chế làm việc	2				
4.2.1	Ban hành quy chế làm việc của địa phương	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>					
4.2.2	Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giải quyết công việc giữa các bộ phận với nhau và với khu phố, ấp	1				
	<i>Thực hiện tốt: 1</i>					
	<i>Thực hiện chưa tốt: 0</i>					
4.3	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định	1				
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>					
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>					
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	12				
5.1	Chất lượng đội ngũ CBCC cấp xã	4				
5.1.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	2				
	<i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định: 2</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định: 1</i>					
	<i>Dưới 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định: 0</i>					
5.1.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	2				
	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định: 2</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định: 1</i>					
	<i>Dưới 80% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định: 0</i>					
5.2	Bố trí sử dụng CBCC theo quy định	2				
5.2.1	Đối với cán bộ chuyên trách	1				
	<i>100% cán bộ đúng bằng cấp, chuyên môn trở lên: 1</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% cán bộ đúng bằng cấp, chuyên môn: 0.5</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
	<i>Dưới 80% cán bộ đúng bằng cấp, chuyên môn: 0</i>					
5.2.2	Đối với công chức					
	<i>100% công chức đúng bằng cấp, chuyên môn trở lên: 1</i>	1				
	<i>Từ 80% - dưới 100% công chức đúng bằng cấp, chuyên môn: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% công chức đúng bằng cấp, chuyên môn: 0</i>					
5.3	Đào tạo, bồi dưỡng CBCC	3				
5.3.1	Cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ, đúng thành phần các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo văn bản triệu tập của cơ quan cấp trên	2				
	<i>Hoàn thành 100%: 2</i>					
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100%: 1</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80%: 0</i>					
5.3.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1				
	<i>Từ 80% số cán bộ, công chức trở lên: 1</i>					
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cán bộ, công chức: 0.5</i>					
	<i>Dưới 60 % số cán bộ, công chức: 0</i>					
5.4	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức	3				
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức theo quy định	1				
	<i>Đúng quy định: 1</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính	2				
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức tại cơ quan bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1</i>					
	<i>Trong năm không có người hoạt động không chuyên trách bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1</i>					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6				
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1				
	<i>Đúng quy định: 1</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
6.2	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
	<i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>					
6.3	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí, tăng thu nhập trong cơ quan	1				
	<i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>					
6.4	Quản lý, sử dụng tài sản công	3				
6.4.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1				
	<i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>					
6.4.2	Thực hiện công khai trong quản lý, sử dụng tài sản công, công khai ngân sách nhà nước	1				
	<i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>					
6.4.3	Báo cáo kê khai tài sản công	1				
	<i>Hoàn thành việc nhập số liệu vào phần mềm quản lý tài sản công và phần mềm kế toán theo quy định: 1</i> <i>Chưa hoàn thành việc nhập số liệu vào phần mềm quản lý tài sản công và phần mềm kế toán theo quy định: 0</i>					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	14,5				
7.1	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ giữa các cơ quan nhà nước	6				
7.1.1	Tỷ lệ máy tính được trang bị cho cán bộ công chức cấp xã	1				
	<i>100% CBCC được trang bị: 1</i> <i>Từ 80% đến dưới 100%: 0.5</i> <i>Dưới 80%: 0</i>					
7.1.2	Trình độ CBCC cấp xã về CNTT	1				
	<i>Từ 90% trở lên đạt chuẩn: 1</i> <i>Từ 70% đến dưới 90% đạt chuẩn: 0.5</i> <i>Dưới 70% đạt chuẩn: 0</i>					



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
7.1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (văn bản đi, văn bản đến) giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành (trừ văn bản mật)	1				
	<i>Từ 90% số văn bản trở lên: 1</i>					
	<i>Từ 60% - dưới 90% số văn bản: 0.5</i>					
	<i>Dưới 60%: 0</i>					
7.1.4	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị	1				
	<i>Từ 95% trở lên: 1</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 95%: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% số văn bản: 0</i>					
7.1.5	Thực hiện Chữ ký số	1				
	<i>Đã áp dụng chữ ký số: 1</i>					
	<i>Chưa áp dụng chữ ký số: 0</i>					
7.1.6	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	1				
	<i>Đã kết nối liên thông với cấp huyện: 1</i>					
	<i>Chưa kết nối liên thông: 0</i>					
7.2	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	8,5				
7.2.1	Hoạt động của Trang thông tin điện tử của đơn vị	1				
	<i>Duy trì, cập nhật thường xuyên, đầy đủ: 1</i>					
	<i>Cập nhật không đầy đủ: 0,5</i>					
	<i>Trang thông tin điện tử không hoạt động: 0</i>					
7.2.2	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	2				
	<i>Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tối thiểu 50%: 2</i>					
	<i>Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đạt từ 30% đến 50%: 1</i>					
	<i>Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết dưới 30%: 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
7.2.3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2				
	Đạt 100% đối với các dịch vụ công đủ điều kiện: 2					
	Đạt dưới 100% đối với các dịch vụ công đủ điều kiện: 0					
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	2				
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình đang cung cấp (không sử dụng bản giấy)					
7.2.5	Thực hiện thanh toán trực tuyến	1,5				
	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến					Chỉ áp dụng đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và có đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tuyến.
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến					
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến					Phạm vi thống kê là các hồ sơ đã giải quyết của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang triển khai cung cấp trực tuyến.
8	KHẢO SÁT HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC TRONG GIẢI QUYẾT TTHC	20				
8.1	Tiến hành khảo sát thường xuyên sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính	1				
	Thực hiện theo quy định: 1					
	Không thực hiện theo quy định: 0					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Chỉ số	Ghi chú
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định		
8.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC	1				
	<i>Thực hiện khảo sát trên Cổng dịch vụ công của tỉnh: 1</i>					
	<i>Không tiến hành khảo sát trên Cổng dịch vụ công của tỉnh: 0</i>					
8.3	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được tiến hành khảo sát	3				
	<i>Khảo sát từ 100% TTHC có hồ sơ phát sinh trong năm trở lên: 3</i>					
	<i>Khảo sát từ 80% đến dưới 100% TTHC có hồ sơ phát sinh trong năm: 2</i>					
	<i>Khảo sát dưới 80% TTHC có hồ sơ phát sinh trong năm: 0</i>					
8.4	Kết quả khảo sát	15				
	<i>100% người dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 15</i>					
	<i>Từ 95% đến dưới 100% người dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 13</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 95% người dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 10</i>					
	<i>Dưới 80% người dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 0</i>					
	TỔNG ĐIỂM	100				